TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:84/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13/07/2022
"V*/v Không công nhận là vợ chồng*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

- *Thẩm phán* – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Vĩ.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*1. Ông Đỗ Văn Dược

2.Bà Tống Thị Điệp

-***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:*** Ông Nguyễn Thanh T–Thư ký Toà án.

-***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột:*** Ông Phạm Trường Xuân-Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 432/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/5/2022 về việc "Yêu cầu Không công nhận là vợ chồng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 06 năm 2022 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Lê Thị G-SN:1980(Có mặt)

-Bị đơn: Ông Đỗ Văn H -SN:1978(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 25/4 L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện, tại các bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn bà Lê Thị G trình bày

Tôi và ông Đỗ Văn H tự nguyện sống chung có tổ chức lễ cưới vào năm 2005 và nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Quá trình chung sống vợ chồng sảy ra nhiều mâu thuẫn không thể H giải, nguyên nhân mâu thuẫn 02 vợ chồng sống không H hợp thường xuyên cãi vã dẫn đến nhiều mẫu thuẫn xung đột không thể hàn gắn, vợ chồng sống cùng nhà nhưng mạnh ai người ấy sống, nhiều tháng nay không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Nay xác định tình cảm vợ chồng là không còn, tôi yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận là vợ chồng với ông Đỗ Văn H.

-Về con chung: Tôi và ông H 02 con chung là: Cháu Đỗ Thị Uyên P; sinh ngày: 01/07/2006 và cháu Đỗ Lê Anh T sinh ngày: 15/9/2015.

Khi ly hôn tôi đồng ý giao cháu Đỗ Lê Anh T; sinh ngày: 15/9/2015 cho ông Đỗ Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Uyên P; sinh ngày: 01/07/2006 đến tuổi thành niên.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi và ông H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/. Bị đơn ông Đỗ Văn H trình bày:

Tôi và bà Lê Thị G tự nguyện sống chung có tổ chức lễ cưới vào năm 2005 và nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Quá trình chung sống vợ chồng sảy ra nhiều mâu thuẫn không thể H giải, nguyên nhân mâu thuẫn 02 vợ chồng sống không H hợp thường xuyên cãi vã dẫn đến nhiều mẫu thuẫn xung đột không thể hàn gắn, vợ chồng sống cùng nhà nhưng mạnh ai người ấy sống, nhiều tháng nay không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Nay xác định tình cảm vợ chồng là không còn, tôi đồng ý yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận là vợ chồng với bà Lê Thị G.

-Về con chung: Tôi và bà Lê Thị G 02 con chung là: Cháu Đỗ Thị Uyên P; sinh ngày: 01/07/2006 và cháu Đỗ Lê Anh Tsinh ngày: 15/9/2015.

Khi ly hôn tôi đồng ý giao cháu Đỗ Thị Uyên P; sinh ngày: 01/07/2006 cho bà Lê Thị G trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đỗ Lê Anh T; sinh ngày: 15/9/2015 đến tuổi thành niên.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi và bà Lê Thị G tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và bà Lê Thị G tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật về nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành tốt. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện không công nhận vợ chồng của bà Lê Thị G và đề nghị giao cháu Đỗ Thị Uyên P; sinh ngày: 01/07/2006 cho bà Lê Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và cháu Đỗ Lê Anh T; sinh ngày: 15/9/2015 cho ông Đỗ Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tục tố tụng:** Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Lê Thị G và bị đơn ông Đỗ Văn H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền Tòa án giải quyết.

*** Về quan hệ hôn nhân**: Nguyên đơn bà Lê Thị G và bị đơn ông Đỗ Văn H chung sống với nhau từ năm 2005 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nên xác định đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Xét yêu cầu của bà Lê Thị G đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng với ông Đỗ Văn H là phù hợp với quy định của pháp luật vì bà Lê Thị G và ông Đỗ Văn H sống chung có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, cuộc sống chung giữa bà G và ông H không còn nữa nên không thể tiếp tục duy trì. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b, khoản 3, Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị G và ông Đỗ Văn H .

- Về con chung: Ông Đỗ Văn H và bà Lê Thị G 02 con chung là: Cháu Đỗ Thị Uyên P; sinh ngày: 01/07/2006 và cháu Đỗ Lê Anh Tsinh ngày: 15/9/2015.

Xét nguyện vọng của bà G được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Uyên P; sinh ngày: 01/07/2006 đến tuổi thành niên và đồng ý giao cháu Đỗ Lê Anh Tsinh ngày: 15/9/2015 cho ông Đỗ Văn H trược tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và nguyện vọng ông H được nuôi cháu Đỗ Lê Anh Tsinh ngày: 15/9/2015 đến tuổi thành niên và đồng ý giao cháu Đỗ Thị Uyên P; sinh ngày: 01/07/2006 cho bà Lê Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và xét nguyện vọng của 02 cháu là chính đáng. Do vậy cần giao cháu Đỗ Thị Uyên P; sinh ngày: 01/07/2006 cho bà Lê Thị G được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và giao cháu Đỗ Lê Anh T; sinh ngày: 15/9/2015 cho ông Đỗ Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên(18 tuổi).

-Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đỗ Văn H và bà Lê Thị G tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

-Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đỗ Văn H và bà Lê Thị G tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

-Về án phí: Bà Lê Thị G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 8, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 203, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 14, Điều 15,Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị G

Tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa bà Lê Thị G và ông Đỗ Văn H là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Thị Uyên P; sinh ngày: 01/07/2006 cho bà Lê Thị G được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và giao cháu Đỗ Lê Anh T; sinh ngày: 15/9/2015 cho ông Đỗ Văn H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên(18 tuổi).

Bà Lê Thị G và ông Đỗ Văn H được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đỗ Văn H và bà Lê Thị G tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

-Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đỗ Văn H và bà Lê Thị G tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

-Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*:* Bà Lê Thị G phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà G đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk theo biên lai thu số 0012898 ngày 16 tháng 5 năm 2022.

Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Văn Vĩ

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh Đăklăk;*
- *VKSND Tỉnh Đăklăk;*
- *VKSND Tp. Buôn Ma Thột;*
- *CCTHADS Tp. Buôn Ma Thuột;*
- *UBND P. Tân Tiến*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*